

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HS-ST

Ngày: 30/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh.

2. Ông Nguyễn Văn Đô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 183/2021/HSST ngày 02/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2021/QĐXXST-HS ngày 15/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 370/2021/HPTHS-QĐ ngày 29/11/2021, Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 02/2021/HSST-QĐ ngày 29/12/2021, Quyết định phục hồi vụ án số 01/2022/HSST-QĐ ngày 09/6/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa hình sự sơ thẩm số 96/TB-TA ngày 09/6/2022 đối với bị cáo:

TRƯƠNG MINH T; Sinh năm: 1991 - tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trương Lương T (chết) và bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1962; trú tại: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ hai; Vợ (đã ly hôn), con: 01 con sinh năm 2013; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 21/6/2016, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 100/2016/HSST ngày 21/6/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2017, chấp hành đóng án phí ngày 25/8/2017. Đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P truy nã theo Quyết định số 02 ngày 10 tháng 01 năm 2022. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phú T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 25/4/2021, bà Nguyễn Ngọc Anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu honda Vision biển số 86C1-717.72 đến nhà bạn là Nguyễn Đức Gia H (sinh năm 1991, trú tại số 59 đường Trương Văn L thuộc khu phố 8, phường Đ, thành phố P) chơi. Khi tới nơi, bà T dựng xe trong sân nhà, có chốt cửa cổng nhưng không khóa và để chìa khóa xe mô tô trong ổ khóa rồi vào nhà chơi. Cùng khoảng thời gian này Trương Minh T từ nhà mình đi bộ đến nhà Hưng chơi. Khi tới nơi thấy cửa cổng cài chốt nhưng không khóa nên T thò tay mở chốt đi vào trong sân gọi anh Hưng nhiều lần nhưng không ai trả lời. Lúc này, T phát hiện xe mô tô biển số 86C1-717.72 đang cắm chìa khóa trong ổ khóa nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt, T đã lén lút dắt chiếc xe mô tô biển số 86C1-717.72 ra ngoài cổng đề nổ máy rồi tẩu thoát. Đến khoảng 19 giờ 15 phút ngày bà T ra về thì phát hiện xe mô tô biển số 86C1-717.72 bị mất trộm nên đã đến Công an phường Đ trình báo sự việc.

Đối với Trương Minh T, sau khi trộm cắp được xe mô tô 86C1-717.72, T đã đến phòng trọ của mình tại hẻm 51 đường Lương Ngọc Q, phường Phú T cất giấu. Sau đó, T gặp một người bán ve chai (không rõ nhân thân) hỏi mua 01 biển số 86C1-732.91 với giá 200.000 đồng, T về phòng trọ tháo biển số 86C1-717.72 ra khỏi xe Honda Vision trộm cắp được và gắn biển số 86C1-732.91 mới mua được vào để sử dụng. Đến ngày 27/4/2021 T về nhà mình tại khu phố 7, phường Đ thì nghe gia đình nói có Công an phường đến tìm T vì liên quan đến chiếc xe mô tô biển số xe 86C1-717.72 bị mất trộm. Biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện nên T đến Công an phường Đ trình diện đồng thời giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision có gắn biển số 86C1-732.91. Đối với biển số xe mô tô 86C1-717.72 khi tháo ra khỏi xe mô tô Honda Vision T đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen, có gắn biển số 86C1-732.91; số khung: 581XGY465684; số máy: JF66E0770210. Do Trương Minh T giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 121/KL-HĐĐG ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen, có gắn biển số 86C1-717.72; Số khung: 581XGY465684; Số máy: JF66E0770210 đơn giá 37.000.000 đồng; Tỷ lệ sử dụng còn lại 60%; Thành tiền: 22.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và dân sự: Cơ quan CSĐT- Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho bà Nguyễn Ngọc Anh T. Sau khi nhận lại tài sản bà T không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với biển số xe mô tô 86C1-732.91 Cơ quan CSĐT-Công an thành phố P đã ra thông báo tìm chủ sở hữu, tiếp tục tạm giữ làm rõ và xử lý sau.

Cáo trạng số 185/CT-VKSPT ngày 01/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên Quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt Trương Minh T từ **09** đến **12** tháng tù

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo và tại giai đoạn xét xử mặc dù bị cáo đã nhận Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tuy nhiên vào ngày, giờ mở phiên tòa bị cáo vắng mặt không có lý do. Như vậy bị cáo Trương Minh T đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự nên ngày 29/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố P đã có Quyết định bắt, tạm giam số 71/2021/HSST-QĐBTG nhưng do bị cáo bỏ trốn việc bắt bị cáo không thực hiện được; ngày 29/12/2021 Tòa án nhân dân thành phố P có Công văn số 637/TAPT đề nghị truy nã bị cáo nhưng đến nay việc truy nã vẫn không có kết quả. Căn cứ điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Do bị cáo vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào bản tự khai của bị cáo Trương Minh T ngày 20/6/2021, biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2021; 27/9/2021, biên bản hỏi cung ngày 12/10/2021; ngày 13/10/2021 tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ

sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/4/2021 tại nhà số 59 đường Trường Văn L thuộc khu phố 8, phường Đ, thành phố P bị cáo Trương Minh T là người thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen trị giá 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng của chị Nguyễn Ngọc Anh T đem về cất giấu ở phòng trọ tại hẻm 51 đường Lương Ngọc Q, phường Phú T, Thành phố P.

Trương Minh T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng, với bản tính tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của mình nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 21/6/2016, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó cần có hình phạt nghiêm để răn đe, trừng trị và giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt để trả lại cho người bị hại đây là hai tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen cho chị Nguyễn Ngọc Anh T là phù hợp, đúng quy định.

Đối với biển số xe mô tô 86C1-732.91 Cơ quan CSĐT-Công an thành phố P đã ra thông báo tìm chủ sở hữu, tiếp tục tạm giữ làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Ngọc Anh T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh T (**09**) chín tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Minh T phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS Tp . P;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Trí

